

## Thực trạng công tác đào tạo liên tục của bác sĩ tại bệnh viện C Thái Nguyên năm 2019

Phạm Văn Đông<sup>1</sup>, Đặng Ngọc Huy<sup>2</sup>, Đỗ Thanh Huyền<sup>1</sup>, Triệu Tất Thắng<sup>1</sup>, Lưu Quốc Toàn<sup>3</sup>

### Tóm tắt

**Thông tin chung:** Đào tạo liên tục là các khóa đào tạo ngắn hạn, bao gồm: đào tạo bồi dưỡng để cập nhật kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, chuyển giao kỹ thuật, chỉ đạo tuyến và các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ khác cho cán bộ y tế.

**Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện với 108 bác sĩ tại Bệnh viện C Thái Nguyên trong thời gian nghiên cứu từ tháng 4 đến tháng 6/2019. Khảo sát sử dụng bộ câu hỏi phát vấn định lượng nhằm thu thập thông tin về các khóa đào tạo liên tục mà các bác sĩ tại bệnh viện C Thái Nguyên đã tham trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

**Kết quả:** Tỷ lệ bác sĩ được tham gia đào tạo liên tục trong nghiên cứu là 63,9% với tổng số 137 lượt khóa học đã tham gia. Trong đó, các lượt khóa học chuyên môn chiếm chủ yếu, với 43,8% lượt khóa học được tổ chức tại bệnh viện. Hình thức tổ chức của các lượt khóa học là nghiên cứu khoa học, tập huấn đào tạo chiếm và hội thảo lần lượt là 32,1%, 33,6% và 34,3%. Các bác sĩ đánh giá chất lượng khóa học và giảng viên tốt lần lượt là 99,3% và 88,3%.

**Kết luận:** Công tác đào tạo liên tục cho bác sĩ tại bệnh viện C Thái Nguyên đã được thực hiện với tỷ lệ tham gia của đội ngũ bác sĩ là khá cao. Tuy nhiên, bệnh viện vẫn cần xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo liên tục để đảm bảo tất cả các bác sĩ của bệnh viện được tham gia đào tạo liên tục theo quy định.

**Từ khóa:** đào tạo liên tục, đào tạo ngắn hạn, bác sĩ, Thái Nguyên.

## Curent situation of inservice training for medical doctors at Thai Nguyen Hospital C 2019

Phạm Văn Đông<sup>1</sup>, Đặng Ngọc Huy<sup>2</sup>, Đỗ Thanh Huyền<sup>1</sup>, Triệu Tất Thắng<sup>1</sup>, Lưu Quốc Toàn<sup>3</sup>

### Abstract:

\* **Background:** An in-service training program is a short-term training course, including: refresher training to update knowledge and skills; update medical knowledge continuously; continuous professional development; technical transfer training; and other professional training courses for health workers.

\* **Methodology:** The study was conducted with a sample size of 108 doctors at C Thai Nguyen

*Hospital from April to June 2019. Quantitative interview questions were designed to describe the current situation of the inservice training for doctors in C Thai Nguyen Hospital during 2018 and the first 6 months of 2019.*

*\* **Results:** The proportion of doctors participating in the inservice training in the study was 63.9%. The major training courses were professional programs, most of which were held at hospitals with 43.8%. Training in the form of scientific research was 34.3% while training in short course accounted for 33.6%. The duration of training courses was mostly less than 02 days, which accounted for 75.9%. 88.3% of doctors said that the quality of teachers was good.*

*\* **Conclusions:** Inservice training for medical doctors at Thai Nguyen Hospital C has been implemented. However, the hospital should ensure that all of their doctors will be able to receive inservice training course as the government regulations.*

**Keywords:** Continuing medical education, short course, doctor, Thai Nguyễn.

---

**Tác giả:**

1. Bệnh viện C Thái Nguyên
2. Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên
3. Trường Đại học Y tế công cộng

**Đặt vấn đề**

Tuyên ngôn Edinburgh đã nhấn mạnh vai trò của “Giáo dục y học liên tục” là cơ sở để các nước đẩy mạnh các hoạt động đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế<sup>1</sup>. Nghiên cứu của Phạm Thùy Trang năm 2017 đã cho thấy đào tạo liên tục giúp cải thiện hiệu suất làm việc của bác sĩ, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh<sup>2</sup>. Tại Việt Nam, Bộ Y tế đã ban hành thông tư 22/2013/TT-BYT về hướng dẫn đào tạo liên tục (ĐTLLT) cho cán bộ y tế (CBYT). Theo đó, Thông tư này quy định rõ CBYT đã được cấp chứng chỉ hành nghề và đang hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có nghĩa vụ tham gia ĐTLLT tối thiểu 48 tiết học trong 2 năm liên tiếp<sup>3</sup>. Theo Bộ Y tế, ngành Y tế Việt Nam bước đầu đã hình thành hệ

thống đào tạo liên tục nhưng chưa hoàn chỉnh. Những chế độ, chính sách còn chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ khiến cho việc triển khai thực hiện ĐTLLT gặp nhiều khó khăn. Chất lượng đội ngũ nhân lực y tế không phát triển kịp theo nhu cầu, làm ảnh hưởng đến công tác chuyên môn của ngành y tế<sup>4</sup>. Tại các cơ sở y tế, đội ngũ bác sĩ được tham gia các lớp đào tạo liên tục khá cao, điển hình như tại các bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Nhi Trung ương có 81,7% bác sĩ có tham gia các lớp ĐTLLT<sup>5</sup>.

Trong những năm qua, bệnh viện C Thái Nguyên đã chú trọng hơn đến công tác ĐTLLT cho cán bộ y tế, tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế về nội dung đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng đào tạo... Trong năm 2016, tại bệnh viện C Thái Nguyên đã tiến hành nghiên cứu

đánh giá ĐTLT của đội ngũ điều dưỡng. Nhằm tiếp tục cung cấp các bằng chứng khoa học góp phần hoàn thiện tổng thể thực trạng ĐTLT cho cán bộ Y tế tại bệnh viện C Thái Nguyên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Đào tạo liên tục của bác sĩ và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện C Thái Nguyên năm 2019”. Mục tiêu của nghiên cứu mô tả thực trạng ĐTLT và đặc điểm các lớp ĐTLT của bác sĩ làm việc tại bệnh viện C Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng công tác ĐTLT cho bác sĩ nói riêng và cán bộ Y tế nói chung của bệnh viện C Thái Nguyên.

### **Phương pháp nghiên cứu**

Thiết kế nghiên cứu cắt ngang tại Bệnh viện C tỉnh Thái Nguyên, từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019.

Đối tượng nghiên cứu là 108 bác sĩ đang làm việc tại Bệnh viện C Thái Nguyên. Tất cả các bác sĩ được chọn vào nghiên cứu đều có thời gian công tác tại Bệnh viện C Thái Nguyên từ 9 tháng trở lên.

Biến số nghiên cứu bao gồm 23 biến được chia thành 2 nhóm lớn. Trong đó, nhóm biến số về thực trạng đào tạo liên tục của bác sĩ được phân tích với 2 nội dung chính: 1) Tỷ lệ tham gia ĐTLT của các bác sĩ được phân tích với 108 bác sĩ tham gia nghiên cứu; 2) Đặc điểm các khóa ĐTLT được phân tích với các khóa đào tạo mà các bác sĩ trong nghiên cứu đã tham gia.

Bộ câu hỏi khảo sát thực trạng công tác đào tạo liên tục của bác sĩ được xây dựng dựa vào các nội dung quy định trong Thông tư 22/2013/TT-BYT ban hành ngày 9/8/2013 về hướng dẫn thực hiện đào tạo liên tục<sup>3</sup>, quyết định 493/QĐ-

BYT ngày 17/2/2012 quy định về tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đơn vị đào tạo liên tục CBYT<sup>6</sup> và có tham khảo thêm một số nội dung thực trạng ĐTLT của các nghiên cứu khác<sup>7, 8</sup>.

Thông tin nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp vấn với toàn bộ 108 bác sĩ tại bệnh viện C Thái Nguyên tham gia nghiên cứu.

Số liệu sau khi thu thập được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1 và phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0. Các phân tích mô tả được sử dụng để mô tả thực trạng công tác đào tạo liên tục của bác sĩ trong nghiên cứu.

Nghiên cứu tuân thủ đầy đủ các quy định về đạo đức nghiên cứu và được phê duyệt tại quyết định số 131/2019/YTCC-HD3 ngày 16 tháng 04 năm 2019 của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học, Trường Đại học Y tế công cộng.

### **Kết quả nghiên cứu**

Kết quả nghiên cứu 108 bác sĩ làm việc tại Bệnh viện C Thái Nguyên và 137 khóa ĐTLT mà các bác sĩ này tham gia trong năm 2019. Một số kết quả nghiên cứu được trình bày chi tiết như nội dung dưới đây.

**Bảng 1. Thông tin chung của các bác sĩ tại bệnh viện C Thái Nguyên (n=108)**

Các đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	44	40,7
	31- 40 tuổi	37	34,3
	41- 50 tuổi	13	12,0
	Trên 50 tuổi	14	13,0
Giới tính	Nam	68	63,0
	Nữ	40	37,0

<b>Trình độ chuyên môn</b>	Bác sĩ	56	51,8
	Thạc sỹ/Bác sĩ CKI	30	27,8
	Tiến sỹ/Bác sĩ CKII	22	20,4
<b>Chức danh nghề nghiệp</b>	Bác sĩ	86	79,6
	Bác sĩ chính	22	20,4
<b>Vị trí làm việc</b>	Khối lâm sàng	83	76,9
	Khối cận lâm sàng	20	18,5
	Khối hành chính	05	4,6

Nghiên cứu trên 108 bác sĩ có chứng chỉ hành nghề tại bệnh viện chủ yếu là ở nhóm tuổi dưới 30 tuổi chiếm 40,3% và thấp nhất là từ 41-50 tuổi chiếm 12,0%. Đa số là nam giới chiếm 63,0%, trình độ sau đại học chỉ chiếm 48,2%, bác sĩ chính chiếm 20,4%. Các vị trí làm việc cho thấy đa số ở khối lâm sàng chiếm 76,9% và thấp nhất ở khối hành chính chiếm 4,6%. 55,6% các bác sĩ tham gia nghiên cứu có thâm niên công tác từ 10 năm trở lên và 44,4% có thâm niên công tác dưới 10 năm (Bảng 1).

**Bảng 2. Thực trạng tham gia đào tạo liên tục của bác sĩ**

Nội dung		Tần số	Tỷ lệ (%)
<b>Tham gia đào tạo liên tục (n=108)</b>	Có	69	63,9
	Không	39	36,1
<b>Tần suất (n=69)</b>	<b>Tổng</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Min - Max</b>
		137	2 1 – 8

Kết quả khảo sát 108 bác sĩ tại bệnh viện C Thái Nguyên cho thấy, tỷ lệ bác sĩ có tham gia ít nhất 1 khóa ĐTLT là 63,9%. Trong số 69 bác sĩ có tham gia ĐTLT, trung bình tần suất tham gia của bác sĩ là 2 khóa ĐTLT, ít nhất là 1 khóa ĐTLT và nhiều nhất là 8 khóa ĐTLT trong thời gian từ năm 2018 đến 6 tháng đầu năm 2019 (Bảng 2).

**Bảng 3. Đặc điểm các khóa ĐTLT của các bác sĩ tại bệnh viện (n=137)**

Nội dung	Nội dung cụ thể	Tần số	Tỷ lệ (%)
<b>Địa điểm ĐTLT</b>	Tại đơn vị	60	43,8
	Bệnh viện tuyến trung ương	55	40,1
	Khác	22	16,1
<b>Kinh phí của các khóa đào tạo liên tục (n=137)</b>	Đơn vị chi trả hoàn toàn	50	36,5
	Cá nhân và đơn vị cùng chi trả	10	7,3
	Do các dự án/chương trình chi trả	77	56,2
<b>Hình thức đào tạo</b>	Tập huấn, đào tạo	46	33,6
	Hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học	44	32,1
	Nghiên cứu khoa học	47	34,3
<b>Thời lượng đào tạo</b>	Dưới 02 ngày	104	75,9
	Từ 02 đến 05 ngày	27	19,7
	Trên 05 ngày	06	4,4
<b>Phương pháp đào tạo</b>	Lý thuyết	131	95,6
	Thực hành/Cầm tay chỉ việc	02	1,5
	Lý thuyết/Thực hành/Cầm tay chỉ việc	04	2,9

Kết quả nghiên cứu 137 khóa ĐTLT của 69 bác sĩ cho thấy, địa điểm các khóa đào tạo mà các bác sĩ đã tham gia chủ yếu được tổ chức tại bệnh viện C Thái Nguyên (43,8%), các lớp tổ chức nơi khác như các trường đại học, tại các khách sạn chiếm 16,1%. Về kinh phí đào tạo chi trả cho các lớp, chủ yếu là do các dự án/chương trình chi trả chiếm 56,2%, bệnh viện C Thái Nguyên chi trả là 36,5% và một tỷ lệ nhỏ (7,3%) bác sĩ tự chi trả cho các khóa đào tạo. Về hình thức khóa ĐTLT chủ yếu là nghiên cứu khoa học chiếm 34,3%, hình thức tập huấn chiếm 33,6%, hội nghị/ hội thảo chiếm 32,1% trong năm 2019 không ghi nhận trường hợp nào được đào tạo qua chuyển giao kỹ thuật. Về thời điểm đào tạo thì đa số là dưới 02 ngày chiếm 75,9%, thấp nhất là từ 05 ngày trở lên chiếm 4,4%. Khảo sát về phương pháp đào tạo của các khóa học, chủ yếu các khóa đào tạo là lý thuyết chiếm 95,6%, các hình thức thực hành/cầm tay chỉ việc chỉ hoặc kết hợp chiếm 4,4% (Bảng 3).

**Bảng 4.** Đánh giá chất lượng khóa đào tạo liên tục của bác sĩ bệnh viện C Thái Nguyên năm 2019

Đánh giá chất lượng		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Khóa học	Tốt	136	99,3
	Trung bình	01	0,7
Giảng viên	Tốt	121	88,3
	Trung bình	16	11,7

Kết quả tự đánh giá của 69 bác sĩ có tham gia về chất lượng 137 khóa học ĐTLT cho thấy, chất lượng khóa ĐTLT và giảng viên thực hiện khóa ĐTLT được đánh giá tốt lần lượt là 99,3% và 88,3% (Bảng 4).

### **Bàn luận**

Theo Điều 4, Thông tư số 22/2013/TT-BYT, cán bộ y tế làm việc trong các cơ sở y tế phải có nghĩa vụ tham gia các khóa đào tạo liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhiệm <sup>3</sup>. Kết quả nghiên cứu trên 108 bác sĩ tại bệnh viện thấy rằng tỷ lệ có tham gia ĐTLT đạt 63,9%, tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thu Trang (2018) tại các bệnh viện vệ tinh của bệnh viện Nhi trung ương (81,7%). Nguyên của sự thấp hơn có thể do thời gian nghiên cứu của chúng tôi (1,5 năm) ngắn hơn nghiên cứu của Nguyễn Thu Trang (2 năm). Đây cũng là một trong những hạn chế của nghiên cứu này, khi không thể thực hiện được trong suốt thời gian 2 năm nên chưa thể đánh giá mức đáp ứng thời lượng đào tạo của bác sĩ so với quy định <sup>3</sup>. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy 36,1% bác sĩ tại bệnh viện C Thái Nguyên chưa được tham gia ĐTLT trong thời gian qua cần có kế hoạch sớm để các bác sĩ này tham gia các khóa ĐTLT để đảm bảo quy định khám chữa bệnh <sup>3</sup>.

Trong nghiên cứu tại bệnh viện C Thái Nguyên, hình thức tham gia ĐTLT chủ yếu là từ nghiên cứu khoa học chiếm 34,3%, đây là một trong các hình thức đào tạo được quy định trong Thông tư 22/2013/TT-BYT quy định <sup>3</sup>. Các nghiên cứu khoa học tại bệnh viện chủ yếu là các nghiên cứu cấp cơ sở, một số rất ít tham gia đề tài cấp tỉnh. Tiếp theo là các lớp tập huấn, đào tạo chiếm 33,6%, các lớp từ Hội thảo, hội nghị, tọa đàm khoa học. Thời gian tham gia đào tạo được tính cho người chủ trì hoặc có bài trình bày tối đa 08 tiết học và người tham dự tối đa 04 tiết học cho mỗi hội thảo/hội nghị/tọa

đàm <sup>3</sup>. Thời gian đào tạo liên tục dưới 02 ngày (75,9%) được nhiều bác sĩ lựa chọn vì tham gia các khóa ĐTLT dưới 03 tháng cá nhân không bị cắt phụ cấp ưu đãi. Kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả trong nghiên cứu tác giả Nguyễn Thị Hoài Thu (95,6%) <sup>9</sup>. Các khóa ĐTLT trong nghiên cứu này chủ yếu tổ chức tại đơn vị (43,8%) hoặc tại các bệnh viện tuyến trung ương (40,1%). Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Lưu Thị Minh Nguyệt với tỉ lệ đào tạo tại bệnh viện cơ sở là 58% <sup>10</sup>. Đây cũng là địa điểm được BHYT khuyến khích tổ chức các khóa ĐTLT. Nghiên cứu về đào tạo liên tục cho đối tượng là Dược sĩ tại tỉnh Hải Dương cũng cho thấy các lớp đào tạo diễn ra trong thời gian dài là một trở ngại với bản thân đối tượng cũng như bệnh viện <sup>8</sup>.

Phương pháp đào tạo trong nghiên cứu này chủ yếu là lý thuyết chiếm đến 95,6%, cho thấy sự mất cân đối về phương pháp đào tạo giữa lý thuyết và thực hành. Phương pháp đào tạo thường được chọn lựa dựa trên một số nguyên tắc như tạo cơ hội tối đa để học viên tham gia thảo luận chia sẻ kinh nghiệm, đa dạng phương pháp dạy-học, kết hợp giữa học kiến thức với thực hành kỹ năng, và phù hợp với điều kiện về cơ sở và phương tiện dạy-học hiện có của bệnh viện <sup>11</sup>. Ngành Y là một ngành đặc biệt vì vậy việc đào tạo có hiệu quả nhất từ trước đến nay được ghi nhận là cầm tay chỉ việc tức là vừa học lý thuyết vừa được thực hành. Vì vậy cần có một kế hoạch đào tạo tổng thể cho toàn đơn vị và mỗi cá nhân, ưu tiên cho đào tạo phát triển các kỹ thuật chuyên môn mới.

Về chất lượng các khóa ĐTLT mà các bác sĩ được tham gia, giáo viên được đánh giá chất

lượng tốt chiếm đến 88,3%. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Đỗ Hoàng Đức, 52% học viên cho rằng phương pháp giảng dạy khá phù hợp với nội dung chương trình, chỉ có 36% BS cho rằng nội dung của chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc <sup>12</sup>. Kết quả nghiên cứu tại bệnh viện C Thái Nguyên tương đương với kết quả của Đào Xuân Lân (2015) có tỷ lệ đánh giá tốt về cán bộ quản lý (97,5%), cơ sở vật chất, tài liệu (90,1%) và tổ chức đào tạo (90,1%) <sup>13</sup>. Tuy nhiên, việc đánh giá chất lượng của các khóa ĐTLT trong nghiên cứu này không sử dụng chung thang đo với các nghiên cứu của Đỗ Hoàng Đức (2015) hoặc Đào Xuân Lân (2015) nên việc so sánh chỉ mang tính tham khảo. Đồng thời, một hạn chế khác của nghiên cứu này là đánh giá chất lượng của các khóa ĐTLT chỉ phản ánh cảm nhận chủ quan của các bác sĩ tham gia nghiên cứu, chưa dựa trên một thang điểm chuẩn chung. Từ đó cho thấy nhu cầu chuẩn hóa một thang điểm có thể dùng chung để đánh giá các khóa ĐTLT cho bác sĩ nói riêng và cán bộ y tế nói chung.

Có thể nói công tác tổ chức ĐTLT tại bệnh viện C Thái Nguyên nói riêng và các đơn vị y tế nói chung còn một số hạn chế. Theo nghiên cứu của Triệu Văn Tuyền, thực hiện đối với nhân viên trạm y tế tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2013-2014 <sup>14</sup>, quy trình tuyển sinh ĐTLT ở đại đa số các cơ sở ĐTLT thực hiện chưa bài bản, khảo sát sau khi học viên về đơn vị công tác đều chưa thực hiện, khảo sát nhu cầu trước tuyển sinh chưa thật sự đánh giá được nhu cầu thực tế của người học và tổ chức sử dụng người lao động.

### **Kết luận và khuyến nghị**

Tỷ lệ bác sĩ được tham gia ĐTLT trong nghiên cứu là 63,9%. Công tác ĐTLT chủ yếu là về chuyên môn, đa số được tổ chức tại bệnh viện chiếm 43,8%, dưới hình thức nghiên cứu khoa học 34,3%, tổ chức tập huấn đào tạo chiếm 33,6%, thời gian chủ yếu là dưới 02 ngày chiếm 75,9%. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả khuyến nghị bệnh viện C Thái Nguyên cần xây dựng kế hoạch ĐTLT cho các bác sĩ của bệnh viện và có hoạt động giám sát phù hợp để đảm bảo tất cả các bác sĩ đáp ứng được quy định về ĐTLT.

---

### **Tài liệu tham khảo**

1. WFME Office University of Copenhagen Denmark. *Continuing professional development of medical doctors wfme global standards for quality improvement*. 2015.
2. Julie K. Gaines, Mlis. *Effectiveness of continuing medical education: Updated synthesis of systematic reviews*. Chicago 2014.
3. Bộ Y tế. Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2013 về hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế. In: Hà Nội 2013.
4. Nguyễn Việt Cường. Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục cán bộ điều dưỡng 14 trạm Y tế phường quận Ba Đình Hà Nội, năm 2010. Hà Nội: Y tế công cộng, Đại học Y tế công cộng; 2010.
5. Trang NT. *Thực trạng đào tạo liên tục cho bác sĩ nhi làm việc tại các bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Nhi Trung ương giai đoạn 2016-2017*, Trường Đại học Y tế công cộng; 2018.
6. Bộ Y tế. Quyết định số 493/QĐ-BYT ngày 17/2/2012 về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đơn vị đào tạo liên tục cán bộ y tế. In: 2012.
7. Hồng LT. *Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo liên tục của cán bộ trạm y tế huyện Mê linh. Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2017*. Hà Nội: Thạc sĩ Y tế công cộng, Trường Đại học Y tế công cộng; 2017.
8. Hà NH. *Thực trạng đào tạo liên tục cho cán bộ dược sĩ ở các Bệnh viện tại Thành phố Hải Dương năm 2017*, Đại học Quốc gia Hà Nội; 2017.
9. Thu NTH. *Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Phổi Trung ương giai đoạn 2015-2017*. Hà Nội: Quản lý bệnh viện Trường Đại học Y tế công cộng; 2015.
10. Minh LTN. *Công tác đào tạo liên tục cho điều dưỡng tại bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương từ năm 2014 – 2016*. In: *Tạp chí Khoa học Nghiên cứu sức khỏe và Phát triển*. Vol tập 01/2017:78-87.
11. Bộ Y tế, Cục Quản lý khám chữa bệnh, Dự án tăng cường chất lượng nguồn nhân lực trong khám chữa bệnh. *Tài liệu đào tạo Quản lý đào tạo liên tục tại bệnh viện*. 2014.
12. Đức ĐH. *Hoàn thiện công tác đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức Bệnh viện Mắt Trung ương*, Luận văn Thạc sĩ Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động - Xã hội.; 2015.
13. Lân ĐX. *Đánh giá hoạt động đào tạo liên tục tại Bệnh viện Bạch Mai*, Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.; 2015.
14. Tuyền TV. *Mô tả thực trạng đào tạo liên tục cán bộ trạm y tế tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2013-2014*. Hà Nội: Y tế công cộng, Đại học Y tế công cộng; 2015.